

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH CÓ KHOẢNG CÁCH TỪ 4 KM TRỞ LÊN (ĐỐI VỚI CẤP TH) KHÔNG ĐI VÀ VỀ ĐƯỢC TRONG NGÀY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2016/NĐ - CP TỪ THÁNG 01 ĐẾN HẾT THÁNG 05 NĂM 2024

(Kèm theo QĐ số: 626 ngày 11 tháng 03 năm 2024 Của UBND huyện Điện Biên)

| STT                                 | Họ và tên học sinh | Đổi tương      | Lớp | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Thường trú (thôn (bản), xã (phường)) | Khoảng cách từ nhà đến trường | Mức hỗ trợ/tháng |          | Số tháng hưởng | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) | Tổng số gạo hỗ trợ (Kg) | Ghi chú |
|-------------------------------------|--------------------|----------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------|----------|----------------|----------------------------|-------------------------|---------|
|                                     |                    |                |     |                                                                                  |                                      |                               | Tiền ăn (đồng)   | Gạo (Kg) |                |                            |                         |         |
| TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC XÃ MUÔNG NHÀ |                    |                |     |                                                                                  |                                      |                               |                  |          |                |                            |                         |         |
| 1                                   | Vàng Thị Bảo Đan   | Thôn bản DB KK | 1a1 | Vàng A Chia                                                                      | Pha Lay - Muông Nhà                  | 18km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 2                                   | Lầu Thị Phuong     | Thôn bản DB KK | 1a1 | Vàng Thị Dợ                                                                      | Gia Phú A - Na Tông - DB             | 20km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 3                                   | Sùng A Minh        | Thôn bản DB KK | 1a2 | Vàng Thị Di                                                                      | Máy Hốc - Phìn Hồ                    | 130km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 4                                   | Lầu Thị Dế         | Thôn bản DB KK | 1a2 | Lầu A Dĩa                                                                        | Thảm Mỹ A - Xa Dung                  | 80km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 5                                   | Sùng Minh Du       | Thôn bản DB KK | 1a2 | Vừ Thị Súa                                                                       | Hỏi Hương - Muông Nhà                | 15km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 6                                   | Sùng A Thăng       | Thôn bản DB KK | 1a2 | Sùng A Sa                                                                        | Xa Dung C - Xa Dung                  | 80km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 7                                   | Vàng Thị Dợ        | Thôn bản DB KK | 1A4 | Vàng A Dưa                                                                       | Bản Pha Lay- MN                      | 7km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 8                                   | Vàng Thị Thu Hằng  | Thôn bản DB KK | 1A4 | Vàng A Sênh                                                                      | Bản Pha Lay- MN                      | 7km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 9                                   | Vàng Phi Lữ        | Thôn bản DB KK | 1A4 | Vàng A Súa                                                                       | Bản Pha Lay- MN                      | 7km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 10                                  | Sùng Thị Linh      | Thôn bản DB KK | 2A1 | Sùng A Cầu                                                                       | Máy Hốc- Phìn Hồ- Nậm Pồ             | 105 km                        | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 11                                  | Vừ Như Ngọc Anh    | Thôn bản DB KK | 2A2 | Vàng Thị Chia                                                                    | Bản Nà Nénh A - Pú Hồng              | 25km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 12                                  | Sùng A Chu         | Thôn bản DB KK | 2A2 | Sùng A Thái                                                                      | Bản Tĩa Ghénh - Xa Dung              | 30km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 13                                  | Lầu Thủy Dung      | Thôn bản DB KK | 2A2 | Lầu A Tĩnh                                                                       | Thảm Mỹ B - Xa Dung                  | 80km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 14                                  | Lầu Thị Hoa        | Thôn bản DB KK | 2A2 | Lầu A Dĩa                                                                        | Thảm Mỹ A - Xa Dung                  | 80km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 15                                  | Lầu A Minh         | Thôn bản DB KK | 2A2 | Lầu A Tũa                                                                        | Thảm Mỹ A - Xa Dung                  | 80km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 16                                  | Lầu A Son          | Thôn bản DB KK | 2A2 | Lầu A Cu                                                                         | Bản Hời Hương - Muông Nhà            | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 17                                  | Vàng Sùng Tiểu Thư | Thôn bản DB KK | 2A2 | Vàng A Pó                                                                        | Bản Pha Lay - Muông Nhà              | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 18                                  | Vàng Minh Chung    | Thôn bản DB KK | 2A4 | Vàng A Thái                                                                      | Pha Lay - Muông Nhà                  | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 19                                  | Vàng Anh Đông      | Thôn bản DB KK | 2A4 | Vàng A Thái                                                                      | Pha Lay - Muông Nhà                  | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 20                                  | Vàng Thị Dénh      | Thôn bản DB KK | 2A4 | Vàng A Pó                                                                        | Pha Lay - Muông Nhà                  | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |



| STT | Họ và tên học sinh  | Đối tượng      | Lớp | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Thường trú (thôn (bản), xã (phường)) | Khoảng cách từ nhà đến trường | Mức hỗ trợ/tháng |          | Số tháng hưởng | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) | Tổng số gạo hỗ trợ (Kg) | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------|----------|----------------|----------------------------|-------------------------|---------|
|     |                     |                |     |                                                                                  |                                      |                               | Tiền ăn (đồng)   | Gạo (Kg) |                |                            |                         |         |
| 21  | Vàng Thị Sùng       | Thôn bản ĐB KK | 2A4 | Vàng A Phổng                                                                     | Pha Lay - Mường Nhà                  | 4km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 22  | Vừ A Chua           | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Vừ A Thénh                                                                       | Bản Pha Thanh - Mường Nhà            | 18 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 23  | Vàng Thị Du         | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Vàng A Nhia                                                                      | Bản Pha Thanh - Mường Nhà            | 18 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 24  | Lầu Thị Dí          | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Lầu A Ténh                                                                       | Bản Pha Thanh - Mường Nhà            | 18 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 25  | Ly A Hòa            | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Ly A Ná                                                                          | Bản Khon Kén - Mường Nhà             | 9 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 26  | Lầu Đa Khoa         | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Lầu A Dơ                                                                         | Bản Hồi Hương - Mường Nhà            | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 27  | Vừ Thị Ly           | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Vừ A Công                                                                        | Bản Hồi Hương - Mường Nhà            | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 28  | Sông A Nụ           | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Sông Bá Sùng                                                                     | Bản Pha Thanh - Mường Nhà            | 18 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 29  | Vừ A Phênh          | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Vừ A Sênh                                                                        | Bản Pha Thanh - Mường Nhà            | 18 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 30  | Sùng Long Quán      | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Sùng A Di                                                                        | Bản Tia Ghênh - Xa Dung              | 40km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 31  | Hạ Thị Đế Sênh      | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Hạ A Chừ                                                                         | Bản Pha Thanh - Mường Nhà            | 18 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 32  | Sùng A Sung Vi      | Thôn bản ĐB KK | 3a1 | Sùng A Chừ                                                                       | Bản Hồi Hương - Mường Nhà            | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 33  | Hạ Thị Dí           | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Hạ A Hồng                                                                        | Pha Thanh - Mường Nhà                | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 34  | Lường Thị Hằng Linh | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Lường Văn Biên                                                                   | Hồi Hương - Mường Nhà                | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 35  | Ly A Xấu            | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Ly A Sênh                                                                        | Khon Kén - Mường Nhà                 | 12 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 36  | Vàng Thị Sơ         | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Vàng A Ly                                                                        | Hồi Hương - Mường Nhà                | 10 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 37  | Vàng Đan Ny         | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Vàng A Sênh                                                                      | Hồi Hương - Mường Nhà                | 10 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 38  | Lầu A Mông          | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Lầu A Chua                                                                       | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 39  | Ly A Thu            | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Ly Thị Cống                                                                      | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 40  | Mùa Thị Du          | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Mùa A Tủa                                                                        | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 41  | Vàng Sùng Như Ý     | Thôn bản ĐB KK | 3A2 | Vàng A Pó                                                                        | Pha Lay - MN                         | 12 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 42  | Vàng Thị Quỳnh Anh  | Thôn bản ĐB KK | 3A3 | Vàng A Chia                                                                      | Pha Láy - Mường Nhà                  | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 43  | Ly Thị Ngọc Ánh     | Thôn bản ĐB KK | 3A3 | Ly A Vừ                                                                          | Khon Kén - Mường Nhà                 | 9 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 44  | Sùng Gia Bảo        | Thôn bản ĐB KK | 3A3 | Sùng A Lồng                                                                      | Hồi Hương - Mường Nhà                | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 45  | Ly Trung Du         | Thôn bản ĐB KK | 3A3 | Ly A Châu                                                                        | Khon Kén - Mường Nhà                 | 9 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |



| STT | Họ và tên học sinh | Đối tượng      | Lớp | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Thường trú (thôn (bản), xã (phường)) | Khoảng cách từ nhà đến trường | Mức hỗ trợ/tháng |          | Số tháng hưởng | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) | Tổng số gạo hỗ trợ (Kg) | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------|----------|----------------|----------------------------|-------------------------|---------|
|     |                    |                |     |                                                                                  |                                      |                               | Tiền ăn (đồng)   | Gạo (Kg) |                |                            |                         |         |
| 46  | Giàng Thị Dạy      | Thôn bản DB KK | 3A3 | Giàng A Vénh                                                                     | Pha Thanh - Mường nhà                | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 47  | Lò Anh Dương       | Thôn bản DB KK | 3A3 | Lò Thị Thịnh                                                                     | Bản chà A - Pú Hồng                  | 20 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 48  | Quảng Duy Hoàng    | Thôn bản DB KK | 3A3 | Quảng Văn Toàn                                                                   | Khon Kén - Mường Nhà                 | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 49  | Vừ Thị Ni          | Thôn bản DB KK | 3A3 | Vừ A Thẻ                                                                         | Hồi Hương - Mường Nhà                | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 50  | Lầu Sĩ Quyền       | Thôn bản DB KK | 3A3 | Lầu A Nénh                                                                       | Xa Dung A - Xa Dung                  | 20 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 51  | Hạ A Và            | Thôn bản DB KK | 3A3 | Hạ A Sừ                                                                          | Pha Thanh - Mường nhà                | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 52  | Vàng Anh Dũng      | Thôn bản DB KK | 3A4 | Vàng A Thái                                                                      | Pha Lay - Mường nhà                  | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 53  | Vàng Mai Si        | Thôn bản DB KK | 3A4 | Vàng A Hự                                                                        | Pha Lay - Mường nhà                  | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 54  | Vàng Ngọc Tú       | Thôn bản DB KK | 3A4 | Vàng A Chia                                                                      | Pha Lay - Mường nhà                  | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 55  | Thào Thị Dung      | Thôn bản DB KK | 3A4 | Thào A Quả                                                                       | Pha Lay - Mường nhà                  | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 56  | Vừ Thị Kìa         | Thôn bản DB KK | 4A1 | Vừ A Thỉnh                                                                       | Pha Thanh-Mường Nhà                  | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 57  | Vừ Thị Xi          | Thôn bản DB KK | 4A1 | Vừ A Di                                                                          | Pha Thanh- Mường Nhà                 | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 58  | Ly A Tênh          | Thôn bản DB KK | 4A1 | Ly Giổng Và                                                                      | Pha Thanh- Mường Nhà                 | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 59  | Ly A Duy           | Thôn bản DB KK | 4A1 | Ly A Dưa                                                                         | Bản Khon Kén - Mường Nhà             | 10km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 60  | Lầu A Sơn          | Thôn bản DB KK | 4A1 | Lầu A Pó                                                                         | Khon Kén - Mường Nhà                 | 10km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 61  | Vừ Thị Xích        | Thôn bản DB KK | 4A1 | Vừ A Cho                                                                         | Pha Thanh - Mường Nhà                | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 62  | Vừ A Ly            | Thôn bản DB KK | 4A1 | Vừ A Sênh                                                                        | Pha Thanh - Mường Nhà                | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 63  | Ly Thị Chia        | Thôn bản DB KK | 4A1 | Ly A Giổng(Ly A Chua)                                                            | Khon Kén - Mường Nhà                 | 10km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 64  | Vừ Thị Khu         | Thôn bản DB KK | 4A1 | Vừ A Dưa                                                                         | Pha Thanh - Mường nhà                | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 65  | Vàng A Kỳ          | Thôn bản DB KK | 4A1 | Vàng A Ly(Lầu Thị Cãi)                                                           | Hồi Hương - Mường Nhà                | 8km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 66  | Ly A Sùng          | Thôn bản DB KK | 4A1 | Ly A Lầu                                                                         | Khon Kén - Mường Nhà                 | 10km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 67  | Sùng Thảo Nhi      | Thôn bản DB KK | 4A1 | Sùng A Di                                                                        | Xa Dung - Điện Biên Đông             | 20km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 68  | Vũ Anh Tuấn        | Thôn bản DB KK | 4A1 | Tòng Thị Thích                                                                   | Nà Ó - Nà Tông                       | 4km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 69  | Lầu A Mạnh         | Thôn bản DB KK | 4a2 | Lầu A Cú                                                                         | Hồi Hương - MN                       | 10km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 70  | Vàng A Phúc        | Thôn bản DB KK | 4a2 | Vàng A Sai                                                                       | Hồi Hương - MN                       | 10km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |



| STT | Họ và tên học sinh | ĐỐI tượng      | Lớp | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Thường trú (thôn (bản), xã (phường)) | Khoảng cách từ nhà đến trường | Mức hỗ trợ/tháng |          | Số tháng hưởng | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) | Tổng số gạo hỗ trợ (Kg) | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------|----------|----------------|----------------------------|-------------------------|---------|
|     |                    |                |     |                                                                                  |                                      |                               | Tiền ăn (đồng)   | Gạo (Kg) |                |                            |                         |         |
| 71  | Ly Thị Linh Na     | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Ly A Lầu                                                                         | Khon Kén - MN                        | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 72  | Hạ Thị Chi         | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Hạ A Nu                                                                          | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 73  | Hạ Thị Chia        | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Hạ A Hồng                                                                        | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 74  | Ly Thị Hoa         | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Ly A Sò                                                                          | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 75  | Sùng A Thắng       | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Sùng A Chia                                                                      | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 76  | Lầu Thị Xi         | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Lầu A Chua                                                                       | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 77  | Hạ A Lạnh          | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Hạ A Pháy                                                                        | Pha Thanh - MN                       | 14 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 78  | Sùng A Tiếng       | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Sùng A Sa                                                                        | Xa Dung- Điện Biên Đông              | 40 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 79  | Vừ Thị Bào         | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Vừ A Cua                                                                         | Pha Thanh - MN                       | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 80  | Vàng A Phành       | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Vàng A Sà                                                                        | Pha Thanh - MN                       | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 81  | Lường Văn Phong    | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Lường Văn Trăn                                                                   | Khon Kén - MN                        | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 82  | Hạ A Lầu           | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Hạ Gà Thái                                                                       | Pha Thanh - MN                       | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 83  | Vàng A Duẩn        | Thôn bản ĐB KK | 4a2 | Vàng A Tống                                                                      | Phi Xua - Phình Giang                | 60km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 84  | Vàng A Dế          | Thôn bản ĐB KK | 4A3 | Vàng A Dụ                                                                        | Pha Lay-Mường Nhà                    | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 85  | Thảo Tấn Dũng      | Thôn bản ĐB KK | 4A3 | Thảo A Quả                                                                       | Pha Lay-Mường Nhà                    | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 86  | Vàng Thị Hồng      | Thôn bản ĐB KK | 4A3 | Vàng A Gấu                                                                       | Pha Lay-Mường Nhà                    | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 87  | Vàng Thị Ká        | Hộ Nghèo       | 4A3 | Vàng A Pó                                                                        | Pha Lay-Mường Nhà                    | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 88  | Vàng Thị Lan       | Thôn bản ĐB KK | 4A3 | Vàng A Chua                                                                      | Pha Lay-Mường Nhà                    | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 89  | Vàng Tiến Mạnh     | Thôn bản ĐB KK | 4A3 | Vàng A Súa                                                                       | Pha Lay-Mường Nhà                    | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 90  | Vàng Thị Mai       | Thôn bản ĐB KK | 4A3 | Vàng A Dế                                                                        | Pú Hồng- Đ Biên Đông                 | 20 km                         | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 91  | Hạ Thị Máy Sinh    | Thôn bản ĐB KK | 4A3 | Hạ A Trọ                                                                         | Pha Lay-Mường Nhà                    | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 92  | Mùa Thị Chữ        | Thôn bản ĐB KK | 5A1 | Mùa A Dénh                                                                       | Pha Thanh- Mường Nhà                 | 15km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 93  | Lầu Thị Dia        | Thôn bản ĐB KK | 5A1 | Lầu A Sênh                                                                       | Hồi Hương- Mường Nhà                 | 8km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 94  | Lầu Duyên Hải      | Thôn bản ĐB KK | 5A1 | Lầu A Pi                                                                         | Hồi Hương- Mường Nhà                 | 8km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 95  | Sùng Thị Mái       | Thôn bản ĐB KK | 5A1 | Sùng A Say                                                                       | Gia Phú A- Na Tông                   | 20km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |





| STT | Họ và tên học sinh | Đối tượng      | Lớp | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Thường trú (thôn (bản), xã (phường)) | Khoảng cách từ nhà đến trường | Mức hỗ trợ/tháng |          | Số tháng hưởng | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) | Tổng số gạo hỗ trợ (Kg) | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------|----------|----------------|----------------------------|-------------------------|---------|
|     |                    |                |     |                                                                                  |                                      |                               | Tiền ăn (đồng)   | Gạo (Kg) |                |                            |                         |         |
| 96  | Sùng Thị Phương    | Thôn bản DB KK | 5A1 | Sùng A Dơ                                                                        | Pha Thanh - Mường Nhà                | 15km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 97  | Lầu Thị Sĩa        | Thôn bản DB KK | 5A1 | Lầu A Và                                                                         | Pha Thanh - Mường Nhà                | 15km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 98  | Sùng Sang Trông    | Thôn bản DB KK | 5A1 | Sùng A Câu                                                                       | Hồi Hương - Mường Nhà                | 8km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 99  | Tòng Mạnh Tuấn     | Thôn bản DB KK | 5A1 | Lò Thị Quyên<br>Vân Quyết<br>Tòng                                                | Khon Kén - Mường Nhà                 | 10km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 100 | Vừ Thị Vá          | Thôn bản DB KK | 5A1 | Vừ A Nénh                                                                        | Pha Thanh - Mường Nhà                | 15km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 101 | Vàng A Du          | Thôn bản DB KK | 5A2 | Vàng A Chú                                                                       | Hồi Hương - Mường Nhà                | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 102 | Vàng Thị Dưa       | Thôn bản DB KK | 5A2 | Vàng Chờ Dể                                                                      | Pha Thanh - Mường Nhà                | 7km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 103 | Lý Thị Lĩa         | Thôn bản DB KK | 5A2 | Lý Thị Cống                                                                      | Pha Thanh - Mường Nhà                | 7km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 104 | Vừ Thị Linh        | Thôn bản DB KK | 5A2 | Vừ A Phổng                                                                       | Hồi Hương - Mường Nhà                | 7km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 105 | Mùa A Minh         | Thôn bản DB KK | 5A2 | Mùa A Tũa                                                                        | Pha Thanh - Mường Nhà                | 7km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 106 | Hạ Thị Năng        | Thôn bản DB KK | 5A2 | Hạ A Nu                                                                          | Pha Thanh - Mường Nhà                | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 107 | Sông Thị Nhung     | Thôn bản DB KK | 5A2 | Sông Bà Sùng                                                                     | Pha Thanh - Mường Nhà                | 7km                           | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 108 | Lò Thị Thảo        | Thôn bản DB KK | 5A2 | Lò Văn Ngươn                                                                     | Khon Kén - Mường Nhà                 | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 109 | Vừ A Tú            | Thôn bản DB KK | 5A2 | Vừ A Mếnh                                                                        | Pha Thanh - Mường Nhà                | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 110 | Lý A Chổng         | Thôn bản DB KK | 5A3 | Lý A Khứ                                                                         | Bản Pha Thanh - Xã Mường Nhà         | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 111 | Vừ Thị Hoa         | Thôn bản DB KK | 5A3 | Vừ A Thẻ                                                                         | Bản Hồi Hương - Xã Mường Nhà         | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 112 | Lý A Hồng          | Thôn bản DB KK | 5A3 | Lý A Po                                                                          | Bản Khon Kén - Xã Mường Nhà          | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 113 | Lý A Là            | Thôn bản DB KK | 5A3 | Lý A Chua                                                                        | Bản Khon Kén - Xã Mường Nhà          | 14km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 114 | Lầu A Nam          | Thôn bản DB KK | 5A3 | Lầu A Hạ                                                                         | Bản Hồi Hương - Xã Mường Nhà         | 13km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 115 | Vừ A Sùng          | Thôn bản DB KK | 5A3 | Vừ A Tú                                                                          | Bản Pha Thanh - Xã Mường Nhà         | 12km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 116 | Giăng A Xai        | Thôn bản DB KK | 5A3 | Giăng A Dềnh                                                                     | Bản Pha Thanh - Xã Mường Nhà         | 13km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 117 | Vàng Thị Gâu Dợ    | Thôn bản DB KK | 5A4 | Vàng A Chia                                                                      | Pha Lay - Mường Nhà                  | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 118 | Vàng Thị Dợ        | Thôn bản DB KK | 5A4 | Vàng A Cài                                                                       | Pha Lay - Mường Nhà                  | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 119 | Vàng Thị Dung      | Thôn bản DB KK | 5A4 | Vàng A Pó                                                                        | Pha Lay - Mường Nhà                  | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 120 | Vàng Minh Khai     | Thôn bản DB KK | 5A4 | Vàng A Thái                                                                      | Pha Lay - Mường Nhà                  | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |

| STT | Họ và tên học sinh | Đối tượng      | Lớp | Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản | Thường trú (thôn (bản), xã (phường)) | Khoảng cách từ nhà đến trường | Mức hỗ trợ/tháng |          | Số tháng hưởng | Tổng số tiền hỗ trợ (đồng) | Tổng số gạo hỗ trợ (Kg) | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------|-----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------|----------|----------------|----------------------------|-------------------------|---------|
|     |                    |                |     |                                                                                  |                                      |                               | Tiền ăn (đồng)   | Gạo (Kg) |                |                            |                         |         |
| 121 | Hà Thị Ly          | Thôn bản ĐB KK | 5A4 | Hà A Thái                                                                        | Pha Lay- Mường Nhà                   | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 122 | Vàng Trọng Minh    | Thôn bản ĐB KK | 5A4 | Vàng A Hự                                                                        | Pha Lay- Mường Nhà                   | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 123 | Vàng Sùng Thénh    | Thôn bản ĐB KK | 5A4 | Vàng A Tà                                                                        | Pha Lay- Mường Nhà                   | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |
| 124 | Vàng Thị Xi        | Thôn bản ĐB KK | 5A4 | Vàng Sếnh Hạ                                                                     | Pha Lay- Mường Nhà                   | 8 km                          | 720.000          | 15       | 5              | 3.600.000                  | 75                      |         |